VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá

Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 12/2017/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 40/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về nghiệp vụ phát hành tiền; bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có

giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá,[1,2]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

---

[1] Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

Căn cứ Nghị định số 40/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về nghiệp vụ phát hành tiền; bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá."

[2]Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước."

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc giao nhận, bảo quản, vận chuyển; kiểm tra, kiểm kê, bàn giao, xử lý thừa thiếu tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong ngành Ngân hàng; việc thu, chi tiền mặt giữa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng.

2. Việc đóng gói, niêm phong, kiểm đếm, giao nhận vàng, các loại kim khí quý, đá quý và các tài sản quý khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Khách hàng trong quan hệ giao dịch tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Tiền mặt" là các loại tiền giấy, tiền kim loại do Ngân hàng Nhà nước phát hành.

2. "Tiền giấy" bao gồm tiền cotton và tiền polymer do Ngân hàng Nhà nước phát hành.

3. "Tài sản quý" bao gồm vàng, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ tiền mặt và các loại tài sản quý khác.

4. "Giấy tờ có giá" bao gồm trái phiếu, tín phiếu và các loại giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật.

5. "Tờ" là đơn vị về số lượng của tiền giấy, ngoại tệ tiền mặt, giấy tờ có giá.

6. "Miếng" là đơn vị về số lượng của tiền kim loại.

7. "Niêm phong" là việc sử dụng giấy niêm phong và/hoặc kẹp chì để ghi dấu hiệu trên bó, túi, hộp, bao, thùng tiền đã được đóng gói theo quy định, đảm bảo bó, túi, hộp, bao, thùng tiền được giữ nguyên, đầy đủ.

8. "Kẹp chì" là một phương pháp niêm phong sử dụng kìm chuyên dùng kẹp hai đầu dây đã buộc miệng túi, bao, thùng tiền qua viên chì. Sau khi kẹp, dấu hiệu tên, ký hiệu riêng của đơn vị có tiền phải nổi rõ, đầy đủ trên bề mặt viên chì.

9. "Khách hàng" là cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp ngoài ngành Ngân hàng có giao dịch tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương II
KIỂM ĐẾM, ĐÓNG GÓI VÀ GIAO NHẬN TIỀN MẶT, TÀI SẢN QUÝ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Mục 1
QUY ĐỊNH VỀ ĐÓNG GÓI, NIÊM PHONG TIỀN MẶT, TÀI SẢN QUÝ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 4. Đóng gói tiền mặt

1. Một bó tiền gồm 1.000 (một nghìn) tờ tiền giấy cùng mệnh giá, cùng chất liệu được đóng thành 10 (mười) thếp, mỗi thếp gồm 100 (một trăm) tờ.

2. Một bao tiền gồm 20 (hai mươi) bó tiền cùng mệnh giá, cùng chất liệu.

3. Một túi tiền gồm 1.000 (một nghìn) miếng tiền kim loại đã qua lưu thông, cùng mệnh giá được đóng thành 20 (hai mươi) thỏi, mỗi thỏi gồm 50 (năm mươi) miếng.

4. Một hộp tiền gồm 2.000 (hai nghìn) miếng tiền kim loại mới đúc, cùng mệnh giá được đóng thành 40 (bốn mươi) thỏi, mỗi thỏi gồm 50 (năm mươi) miếng.

5. Một thùng tiền kim loại gồm 10 (mười) túi tiền cùng mệnh giá.

Đối với kho tiền Trung ương và kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Định, một thùng tiền kim loại gồm:

a) 50 (năm mươi) túi tiền loại mệnh giá 5.000 đồng;

b) 75 (bảy mươi lăm) túi tiền loại mệnh giá 2.000 đồng; 1.000 đồng; 500 đồng;

c) 100 (một trăm) túi tiền loại mệnh giá 200 đồng.

6. Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ hướng dẫn quy cách đóng gói tiền mặt.

Điều 5. Niêm phong tiền mặt

1. Giấy niêm phong bó tiền là loại giấy mỏng, kích thước phù hợp với từng loại tiền và được in sẵn một số nội dung. Ngân hàng Nhà nước sử dụng giấy niêm phong màu trắng, mực in màu đen. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng màu giấy hoặc màu mực riêng trên giấy niêm phong sau khi thống nhất mẫu giấy niêm phong với Ngân hàng Nhà nước.

2. Trên giấy niêm phong bó, túi, hộp, bao, thùng tiền phải có đầy đủ, rõ ràng các nội dung sau: tên ngân hàng; loại tiền; số lượng (tờ, miếng, bó, túi) tiền; số

tiền; họ tên và chữ ký của người kiểm đếm, đóng gói; ngày, tháng, năm đóng gói niêm phong.

3. Người có tên, chữ ký trên giấy niêm phong phải chịu trách nhiệm về bó, túi, hộp, bao, thùng tiền đã niêm phong.

4. Quy định niêm phong bao, túi, thùng tiền của Ngân hàng Nhà nước:

a) Kẹp chì đối với tiền mới in;

b) Kẹp chì kèm giấy niêm phong đối với tiền đã qua lưu thông.

5. Niêm phong tiền mới in:

a) Trên giấy niêm phong gói tiền mới in (10 bó) gồm các nội dung: cơ sở in, đúc tiền; loại tiền; số sêri; tên hoặc số hiệu của người đóng gói, đóng bao; năm sản xuất;

b) Trên bao tiền gồm các nội dung: ký hiệu loại tiền, năm sản xuất, sêri hoặc mã vạch bao tiền.

Điều 6. Đóng gói, niêm phong tài sản quý, giấy tờ có giá

1. Việc đóng gói, niêm phong ngoại tệ, giấy tờ có giá thực hiện như đóng gói, niêm phong tiền mặt.

2. Việc đóng gói, niêm phong, kiểm đếm, giao nhận vàng, các loại kim khí quý, đá quý và các tài sản quý khác được quy định tại một văn bản riêng.

Mục 2
KIỂM ĐẾM VÀ GIAO NHẬN TIỀN MẶT, NGOẠI TỆ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 7. Nguyên tắc thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá

1. Mọi khoản thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện thông qua quỹ của đơn vị.

2. Thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá phải căn cứ vào chứng từ kế toán. Trước khi thu, chi phải kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ kế toán.

Tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá thu vào hay chi ra phải đủ, đúng với tổng số tiền (bằng số và bằng chữ), khớp đúng về thời gian (ngày, tháng, năm) trên chứng

từ kế toán, sổ kế toán, sổ quỹ. Sau khi thu và trước khi chi tiền mặt, chứng từ kế toán phải có chữ ký của người nộp (hay lĩnh tiền) và thủ quỹ hoặc thủ kho tiền hoặc nhân viên thu, chi tiền mặt.

Điều 8. Bảng kê các loại tiền thu (hoặc chi)

Mỗi chứng từ kế toán thu (hoặc chi) tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá phải lập kèm theo một Bảng kê các loại tiền thu (hoặc chi) hoặc một biên bản giao nhận. Bảng kê, biên bản giao nhận được bảo quản theo quy định.

Điều 9. Kiểm đếm tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá

1. Khi thu, chi tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá phải được kiểm đếm chính xác.

2. Người nộp hoặc lĩnh tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá phải chứng kiến khi ngân hàng kiểm đếm hoặc kiểm đếm lại trước khi rời khỏi quầy chi của ngân hàng.

Điều 10. Thu, chi tiền mặt với khách hàng

1. Các khoản thu, chi tiền mặt của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi tắt là Sở Giao dịch), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh), tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khách hàng phải thực hiện kiểm đếm tờ hoặc miếng theo đúng quy trình nghiệp vụ.

Trường hợp không thể kiểm đếm tiền mặt thu của khách hàng xong trong ngày, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng có thể thỏa thuận áp dụng phương thức thu nhận tiền mặt theo túi niêm phong và tổ chức kiểm đếm tờ (miếng) số tiền mặt đã nhận theo túi niêm phong vào ngày làm việc tiếp theo.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hướng dẫn thực hiện về quy trình thu, chi tiền mặt đối với khách hàng (kể cả thu, chi tiền mặt trong giao dịch một cửa, ngân hàng bán lẻ và các hoạt động có liên quan đến thu, chi tiền mặt khác).

3. Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ hướng dẫn quy trình thu, chi tiền mặt áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11. Giao nhận tiền mặt trong ngành Ngân hàng

1. Giao nhận tiền mặt theo bó tiền đủ 10 thếp, nguyên niêm phong hoặc túi tiền nguyên niêm phong kẹp chì trong các trường hợp:

a)[3] Giao nhận tiền mặt trong nội bộ Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với tiền đã qua lưu thông, trừ trường hợp quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều này;

b)[4] Giao nhận tiền mặt theo lệnh điều chuyển giữa kho tiền Trung ương với Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và ngược lại; giữa các kho tiền Trung ương với nhau; giữa các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh với nhau, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

c) Giao nhận tiền mặt giữa Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngược lại; giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn tỉnh, thành phố với nhau.

2. Giao nhận tiền mặt theo bao, hộp, thùng nguyên niêm phong trong các trường hợp:

a) Giao nhận các loại tiền mới in, đúc của cơ sở in, đúc tiền hoặc của Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Các loại tiền được kiểm đếm, phân loại, đóng gói bằng hệ thống máy đa chức năng xử lý kiểm đếm, phân loại, đóng bó (túi) liên hoàn của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì được giao nhận như tiền mới in, đúc quy định tại Khoản này;

c) Xuất, nhập các loại tiền đã qua lưu thông giữa Quỹ dự trữ phát hành và Quỹ nghiệp vụ phát hành của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khi được Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định bằng văn bản.

d)[5] Giao nhận tiền mặt loại mệnh giá từ 50.000 đồng trở xuống theo lệnh điều

---

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

[5] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

chuyển giữa các kho tiền Trung ương với nhau; giữa kho tiền Trung ương với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Định và ngược lại;

đ)[6] Giao nhận tiền mặt trong nội bộ kho tiền Trung ương; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Định.

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định việc giao nhận tiền mặt trong hệ thống.

Điều 12. Kiểm đếm tiền mặt giao nhận trong ngành Ngân hàng

1. Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nhận tiền trong trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 11 tổ chức kiểm đếm tờ (miếng) số tiền đã nhận phải thành lập Hội đồng kiểm đếm theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Thông tư này. Thời hạn kiểm đếm là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận tiền. Đơn vị giao cử người chứng kiến; trường hợp không cử người chứng kiến, đơn vị giao phải có thông báo bằng văn bản cho đơn vị nhận.

Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ xem xét, quyết định việc kéo dài thời gian kiểm đếm tiền mặt theo lệnh điều chuyển trong các trường hợp do nguyên nhân khách quan theo đề nghị của Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

Trường hợp Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nhận tiền không tổ chức kiểm đếm tờ (miếng) số tiền đã nhận theo lệnh điều chuyển có thể giao bó (túi) tiền nguyên niêm phong đó cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong cùng tỉnh, thành phố và phải cử người chứng kiến khi đơn vị nhận tổ chức kiểm đếm tờ (miếng).

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận tiền theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 11 tổ chức kiểm đếm tờ (miếng) số tiền đã nhận phải thành lập Hội đồng kiểm đếm theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Thông tư này. Thời hạn kiểm đếm là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận tiền. Đơn vị giao cử người chứng kiến; trường hợp không cử người chứng kiến, đơn vị giao phải có thông báo bằng văn bản cho đơn vị nhận.

---

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

3. Người chứng kiến là người đại diện đơn vị giao đến chứng kiến việc kiểm đếm của đơn vị nhận. Người chứng kiến phải trực tiếp xem xét, chứng kiến việc kiểm đếm của Hội đồng kiểm đếm đơn vị nhận; xác nhận sự sai sót của bó (túi) tiền, ký tên xác nhận vào mặt sau của giấy niêm phong bó (túi) tiền đó.

Điều 13. Giao nhận ngoại tệ, giấy tờ có giá

1. Các khoản thu, chi ngoại tệ giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khách hàng; giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; giữa Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện kiểm đếm tờ và theo đúng quy trình thu chi tiền mặt.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định việc giao nhận ngoại tệ trong hệ thống.

2. Giao nhận giấy tờ có giá thực hiện như sau:

a) Giao nhận giữa tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và khách hàng; giữa Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kiểm đếm tờ và thực hiện theo quy trình thu chi tiền mặt.

b) Giao nhận giữa cơ sở in, đúc tiền với kho tiền Trung ương, giữa kho tiền Trung ương và Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, giữa các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, giữa các kho tiền Trung ương thực hiện như sau:

- Giấy tờ có giá mới in giao nhận theo bao nguyên niêm phong kẹp chì như đối với tiền mặt hoặc bó nguyên niêm phong (nếu không chẵn bao); giấy tờ có giá đã qua lưu thông thì giao nhận theo bó đủ 10 thếp, nguyên niêm phong của Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, trường hợp không đủ bó thì giao nhận theo tờ.

Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nhận thành lập Hội đồng kiểm đếm tờ trước khi giao cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hay khách hàng.

- Giấy tờ có giá hết thời hạn lưu hành: giao nhận theo bó nguyên niêm phong của Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc giao nhận theo tờ (trường hợp không đủ bó).

c) Giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước để tham gia các nghiệp vụ thị trường tiền tệ, thực hiện giao nhận theo bó đủ 10 thếp nguyên niêm phong, trường hợp không đủ bó thì giao nhận theo tờ.

d) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định việc giao nhận giấy tờ có giá trong hệ thống.

Điều 14. Giao nhận tiền mặt với Kho bạc Nhà nước, đơn vị làm dịch vụ ngân quỹ của tổ chức tín dụng

1. Việc giao nhận tiền mặt giữa Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với Kho bạc Nhà nước và ngược lại thực hiện như việc giao nhận tiền mặt giữa Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Thông tư này.

2. Đơn vị làm dịch vụ ngân quỹ của tổ chức tín dụng được nộp bó tiền đủ 10 thếp nguyên niêm phong cho Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thông qua tài khoản tiền gửi thanh toán của tổ chức tín dụng đó mở tại Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Việc giao nhận, kiểm đếm các bó tiền trên trong ngành Ngân hàng, giữa Ngân hàng Nhà nước với Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 và Điều 12 Thông tư này.

Chương III
BẢO QUẢN TIỀN MẶT, TÀI SẢN QUÝ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Mục 1
SẮP XẾP, BẢO QUẢN TIỀN MẶT, TÀI SẢN QUÝ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ TẠI QUẦY GIAO DỊCH VÀ TRONG KHO TIỀN

Điều 15. Sắp xếp, bảo quản tài sản tại quầy giao dịch và trong kho tiền

1. Hết giờ làm việc hàng ngày, toàn bộ tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá phải được bảo quản trong kho tiền.

Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định bằng văn bản việc bảo quản an toàn tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong thời gian nghỉ buổi trưa (nếu có) tại đơn vị.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định bằng văn bản việc bảo quản an toàn tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong thời gian nghỉ buổi trưa (nếu có) trong hệ thống.

2. Các loại tài sản bảo quản trong kho tiền phải được phân loại, kiểm đếm, đóng gói, niêm phong, được sắp xếp gọn gàng, khoa học.

3. Trong kho tiền Ngân hàng Nhà nước, tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá phải được đóng gói, niêm phong đúng quy định và được sắp xếp riêng ở từng khu vực hoặc riêng từng gian kho.

4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm ban hành quy định, hướng dẫn thực hiện việc bảo quản an toàn tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong hệ thống và có các biện pháp cần thiết để tăng cường đảm bảo an toàn tuyệt đối tài sản.

Điều 16. Bảo quản tài sản khi thực hiện các dịch vụ ngân quỹ khác

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định điều kiện, quy trình nhận, giao trả tài sản cho khách hàng, trách nhiệm của các bộ phận có liên quan (kế toán, ngân quỹ) trong việc đảm bảo an toàn tài sản khi làm dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn và các dịch vụ ngân quỹ khác; quy định việc giao nhận và bảo quản giấy tờ có giá cầm cố các khoản vay hoặc các trường hợp lưu ký giấy tờ có giá khác.

Mục 2
QUẢN LÝ TIỀN MẶT, TÀI SẢN QUÝ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ VÀ KHO TIỀN

Điều 17. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục trưởng Chi cục Phát hành và Kho quỹ, Giám đốc

1.[7]Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục trưởng Chi cục Phát hành và Kho quỹ, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

---

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

người đứng đầu đơn vị được giao quản lý kho tiền thuộc trụ sở chính tổ chức tín dụng, Giám đốc chi nhánh tổ chức tín dụng, Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi chung là Giám đốc) chịu trách nhiệm về công tác tổ chức quản lý, đảm bảo an toàn, bí mật tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và hoạt động của kho tiền tại đơn vị mình, có nhiệm vụ:

a) Trang bị những phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn theo quy định;

b) Chỉ đạo áp dụng những biện pháp cần thiết chống mất mát, nhầm lẫn, đề phòng trộm cướp, cháy nổ, lụt bão, ẩm mốc, mối mọt và các nguyên nhân khác, đảm bảo chất lượng tiền, tài sản bảo quản trong kho tiền;

c) Quản lý và giữ chìa khóa một ổ khóa lớp cánh ngoài cửa kho tiền;

d) Trực tiếp mở, khóa cửa để giám sát việc xuất, nhập, bảo quản tài sản trong kho tiền;

đ) Trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản định kỳ hoặc đột xuất.

2. Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi cục trưởng Chi cục Phát hành và Kho quỹ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như Giám đốc quy định tại Điều 23, Điều 25, Điều 26, Điều 28, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 41, Điều 43, Điều 44, Điều 55, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 65, Điều 67 Thông tư này.

Điều 18. Trách nhiệm của Trưởng phòng Kế toán

1.[8] Trưởng phòng Kế toán hoặc chức danh tương đương Trưởng phòng Kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là Trưởng phòng Kế toán) chịu trách nhiệm quản lý, giám sát việc xuất, nhập và bảo quản tài sản trong kho tiền, có nhiệm vụ:

a) Tổ chức hạch toán tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá theo chế độ kế toán - thống kê;

b) Quản lý và giữ chìa khóa một ổ khóa lớp cánh ngoài cửa kho tiền, trực tiếp mở, khóa cửa kho tiền để giám sát việc xuất, nhập và bảo quản tài sản trong kho tiền;

---

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

c) Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán và sổ quỹ đảm bảo sự khớp đúng;

d) Trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản định kỳ hoặc đột xuất đảm bảo sự khớp đúng giữa tồn quỹ thực tế với sổ kế toán và sổ quỹ; ký xác nhận tồn quỹ thực tế trên sổ quỹ, sổ theo dõi từng loại tài sản, sổ kiểm kê, thẻ kho.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc mở và ghi chép sổ sách của thủ quỹ, thủ kho tiền.

2. Trưởng phòng Kế toán Sở Giao dịch, Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Trưởng phòng Kế toán - Tài vụ Cục Phát hành và Kho quỹ, Trưởng phòng Kế toán - Tài vụ Chi cục Phát hành và Kho quỹ chịu trách nhiệm quản lý, giám sát việc xuất, nhập và bảo quản tài sản trong kho tiền và thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều này.

Điều 19. Trách nhiệm của Thủ kho tiền

1. Thủ kho tiền Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối các loại tài sản bảo quản trong kho tiền, có nhiệm vụ:

a) Thực hiện việc xuất - nhập tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá chính xác, kịp thời, đầy đủ theo đúng lệnh của cấp có thẩm quyền, đúng chứng từ kế toán hợp lệ, hợp pháp;

b) Mở sổ quỹ; sổ theo dõi từng loại tiền, từng loại tài sản; thẻ kho; các sổ sách cần thiết khác; ghi chép và bảo quản các sổ sách, giấy tờ đầy đủ, rõ ràng, chính xác;

c) Tổ chức sắp xếp tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong kho tiền gọn gàng khoa học, đảm bảo vệ sinh kho tiền; đề xuất áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo chất lượng tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá bảo quản trong kho tiền;

d) Quản lý, giữ chìa khóa một ổ khóa của lớp cánh trong cửa kho tiền bảo quản tài sản được giao, các ổ khóa cửa gian kho và các phương tiện bảo quản tài sản trong kho tiền (két, tủ sắt).

2. Thủ kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh bảo quản tiền mặt thuộc Quỹ dự trữ phát hành; vàng, các loại kim khí quý, đá quý và các tài sản khác.

3. Kho tiền Trung ương có một số thủ kho: thủ kho Quỹ dự trữ phát hành, thủ kho tài sản quý, thủ kho giấy tờ có giá. Từng thủ kho chịu trách nhiệm tài sản trong phạm vi được giao và thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Giúp thủ kho tiền trong việc kiểm đếm, đóng gói, bốc xếp, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá có một số nhân viên phụ kho.

Điều 20. Trách nhiệm của Thủ quỹ

1. Thủ quỹ Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối các loại tiền mặt thuộc Quỹ nghiệp vụ phát hành (đối với Ngân hàng Nhà nước), Quỹ tiền mặt (đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), tài sản quý, giấy tờ có giá; thực hiện thu chi tiền mặt, ngoại tệ, giấy tờ có giá theo đúng chứng từ kế toán hợp lệ, hợp pháp; quản lý, ghi chép sổ quỹ và các sổ sách cần thiết khác đầy đủ, rõ ràng, chính xác.

2. Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có thể bố trí một số tổ thu, tổ chi. Mỗi tổ thu (hoặc tổ chi) do một thủ quỹ phụ trách và chịu trách nhiệm tài sản trong phạm vi được giao. Trong trường hợp này, bố trí một thủ quỹ kiêm thủ kho tiền bảo quản Quỹ nghiệp vụ phát hành.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có kho tiền bảo quản riêng Quỹ nghiệp vụ phát hành, ngoại tệ, giấy tờ có giá thì bố trí thủ quỹ kiêm thủ kho tiền bảo quản các tài sản được giao.

Trường hợp thủ quỹ kiêm thủ kho tiền quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này thì được hưởng các quyền lợi như thủ kho tiền.

Đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố trực thuộc Trung ương được bố trí một thủ kho tiền chuyên trách bảo quản Quỹ nghiệp vụ phát hành, ngoại tệ, giấy tờ có giá.

4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có một hoặc một số thủ quỹ, giao dịch viên. Từng thủ quỹ, giao dịch viên chịu trách nhiệm tài sản trong phạm vi được giao; trong đó, bố trí một thủ quỹ kiêm thủ kho tiền hoặc một thủ kho tiền chuyên trách.

Điều 21.Trách nhiệm của Trưởng kho tiền Trung ương; Trưởng phòng Ngân quỹ Sở Giao dịch; Trưởng phòng Tiền tệ - Kho quỹ hoặc Trưởng phòng Tiền tệ - Kho quỹ và Hành chính Ngân hàng Nhà nước chi nhánh[9]

1. Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ quản lý an toàn kho quỹ; tổ chức việc thu, chi (xuất, nhập), bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá theo quy định.

---

[9] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc mở và ghi chép sổ sách của thủ quỹ, thủ kho tiền.

3. Tham gia kiểm tra, kiểm kê, bàn giao tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá.

Điều 22. Trách nhiệm của kiểm ngân

1. Kiểm ngân có nhiệm vụ kiểm đếm, tuyển chọn, đóng gói, bốc xếp, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá.

2. Kiểm ngân chịu trách nhiệm tài sản đối với tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong phạm vi được giao kiểm đếm, tuyển chọn, đóng gói.

Điều 23. Nhiệm vụ của nhân viên an toàn kho tiền

1. Nhân viên an toàn kho tiền có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra tại chỗ các điều kiện đảm bảo an toàn cho việc xuất, nhập tài sản trong kho tiền và khi tổ chức bốc xếp, vận chuyển đi, đến theo lệnh của cấp có thẩm quyền; kiểm tra công tác an toàn kho tiền trong giờ làm việc;

b) Kiểm soát và giám sát những người được vào làm việc trong kho tiền; được quyền kiểm tra, soát xét những người vào, ra kho tiền khi có nghi vấn;

c) Kiểm tra việc chấp hành quy định vào, ra kho tiền;

d) Đề xuất và kiến nghị với Giám đốc về các biện pháp tổ chức bảo vệ an toàn trong kho tiền.

2. Trường hợp không bố trí nhân viên an toàn kho chuyên trách thì thủ kho tiền kiêm nhiệm.

Điều 24. Tiêu chuẩn chức danh thủ kho tiền, thủ quỹ, kiểm ngân

1. Thủ kho tiền, thủ quỹ, kiểm ngân của Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, kho tiền Trung ương phải đủ tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Nhà nước và được quản lý theo Quy chế cán bộ, công chức, viên chức Ngân hàng Nhà nước. Thủ kho tiền Trung ương do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định. Thủ kho tiền Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh do Giám đốc quyết định.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ tiêu chuẩn chức danh thủ kho tiền, thủ quỹ, kiểm ngân của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật để quy định tiêu chuẩn chức danh thủ kho tiền, thủ quỹ, kiểm ngân trong hệ thống.

Điều 25. Các trường hợp không được bố trí làm cán bộ quản lý kho quỹ ngân hàng

1. Không bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột (kể cả anh, chị, em ruột vợ hoặc chồng) của Giám đốc, Phó Giám đốc làm thủ quỹ, thủ kho tiền.

2. Không bố trí những người có quan hệ là vợ chồng, bố mẹ, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột cùng tham gia giữ chìa khóa cửa kho tiền; cùng tham gia kiểm kê, kiểm đếm tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá hoặc cùng công tác trên một xe hay một đoàn xe vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá.

Điều 26. Quy định ủy quyền của các thành viên tham gia quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và kho tiền

1. Quy định ủy quyền của Giám đốc:

a) Giám đốc được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và kho tiền trong một thời gian nhất định. Trường hợp Phó Giám đốc được ủy quyền vắng mặt thì Giám đốc được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Giám đốc khác thực hiện nhiệm vụ quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và kho tiền.

b) Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, kho tiền theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với kho tiền Trung ương:

a) Đối với kho tiền Trung ương tại Hà Nội (Kho tiền I) tại 49 Lý Thái Tổ, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Cục trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và kho tiền trong một thời gian nhất định. Trường hợp Phó Cục trưởng được ủy quyền vắng mặt thì Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Cục trưởng khác thực hiện nhiệm vụ quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và kho tiền.

b) Đối với Kho tiền I tại địa điểm Ao Phèn, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Cục trưởng hoặc Trưởng kho tiền I thực hiện nhiệm vụ quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và kho tiền trong

một thời gian nhất định. Trường hợp người được ủy quyền vắng mặt thì Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho Phó Cục trưởng khác hoặc một Phó Trưởng kho tiền I.

c) Đối với kho tiền Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục trưởng Chi cục Phát hành và Kho quỹ được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chi cục trưởng Chi cục Phát hành và Kho quỹ thực hiện nhiệm vụ quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và kho tiền trong một thời gian nhất định. Trường hợp Phó Chi cục trưởng được ủy quyền vắng mặt thì Chi cục trưởng Chi cục Phát hành và Kho quỹ được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chi cục trưởng khác thực hiện nhiệm vụ quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và kho tiền.

d) Người được ủy quyền theo quy định tại điểm a, b và c Khoản này chịu trách nhiệm trước người ủy quyền về việc quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, kho tiền theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trưởng phòng Kế toán được ủy quyền bằng văn bản cho Phó trưởng phòng thay mình quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và kho tiền trong một thời gian nhất định (văn bản ủy quyền phải được Giám đốc chấp thuận). Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và Giám đốc về quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và kho tiền theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật.

4. Mỗi lần thủ kho tiền cần nghỉ làm việc theo chế độ, đi công tác, đi họp, đi học phải có văn bản đề nghị và được Giám đốc chấp thuận, Giám đốc có văn bản cử người thay thế và tổ chức kiểm kê, bàn giao tài sản. Người thay thế chịu trách nhiệm đảm bảo bí mật, an toàn tuyệt đối tài sản và hoạt động nghiệp vụ bình thường trong thời gian được giao nhiệm vụ.

5. Khi hết thời hạn ủy quyền và bàn giao lại tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, người được ủy quyền phải báo cáo công việc đã làm về quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, kho tiền cho người ủy quyền. Người được ủy quyền không được ủy quyền tiếp cho người khác.

Người thay thế thủ kho tiền thực hiện theo quy định tại Khoản này.

6. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định việc ủy quyền của Giám đốc, Trưởng phòng Kế toán về quản lý tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và kho tiền trong trường hợp đặc biệt không thể bố trí người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.

Mục 3
SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN CHÌA KHÓA KHO TIỀN, KÉT SẮT

Điều 27. Chìa khóa kho tiền, két sắt

Mỗi ổ khóa cửa kho tiền, cửa gian kho, két sắt phải có đủ và đúng hai chìa, một chìa sử dụng hàng ngày và một chìa dự phòng. Chìa khóa của ổ khóa số là một tổ hợp gồm mã số và chìa khóa định vị (nếu có).

Điều 28. Bảo quản chìa khóa cửa kho tiền

1. Từng thành viên giữ chìa khóa cửa kho tiền phải bảo quản an toàn chìa khóa sử dụng hàng ngày trong két sắt riêng đặt tại nơi làm việc trong trụ sở cơ quan.

2.[10] Cửa kho tiền có khóa mã số, từng thành viên quản lý ổ khóa số tự đặt mã số và ghi lại mã số chính xác, dễ đọc lên giấy; phải ghi hai đến ba mã số để sử dụng hàng ngày và thay đổi thường xuyên. Mã số của từng người được niêm phong trong một phong bì riêng, bảo quản tại két sắt riêng cùng với chìa định vị đang dùng. Nếu quên mã số được phép mở niêm phong, sau đó tự niêm phong mới để bảo quản. Trường hợp muốn sử dụng mã số khác ngoài các mã số đã được niêm phong, phải có văn bản báo cáo Giám đốc; khi được cho phép bằng văn bản phải làm thủ tục mở hộp chìa khóa dự phòng, thay mã số khác và gửi chìa khóa dự phòng cửa kho tiền theo quy định tại Điều 31 Thông tư này.

Điều 29. Bảo quản chìa khóa gian kho, két sắt

1. Chìa khóa sử dụng hàng ngày của các két sắt (nếu có) của gian kho nào thì được để trong một hộp sắt nhỏ bảo quản ở một trong những két sắt đặt tại gian kho đó.

2. Chìa khóa sử dụng hàng ngày của gian kho, két sắt bảo quản hộp chìa khóa quy định tại Khoản 1 Điều này, chìa khóa đang dùng của két sắt bảo quản tài sản tại quầy giao dịch được bảo quản như chìa khóa đang dùng của cửa kho tiền.

Điều 30. Bàn giao chìa khóa cửa kho tiền

1. Mỗi lần bàn giao chìa khóa cửa kho tiền, người giao và người nhận trực tiếp giao nhận chìa khóa và ký nhận vào Sổ bàn giao chìa khóa kho tiền. Đối với khóa

---

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

mã số, khi bàn giao chìa khóa cửa kho tiền, cả ba thành viên giữ chìa khóa cửa kho tiền phải có mặt để mở cửa kho tiền. Người giao xóa mã số, giao chìa khóa định vị; người nhận phải đổi mã số.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định trong hệ thống việc bàn giao chìa khóa cửa kho tiền trong trường hợp sử dụng các loại khóa mã số đặc biệt.

Điều 31. Niêm phong và gửi chìa khóa dự phòng khóa cửa kho tiền

1. Việc niêm phong chìa khóa dự phòng cửa kho tiền được các thành viên giữ chìa khóa và cán bộ kiểm soát chứng kiến, lập biên bản, cùng ký tên trên niêm phong. Các mã số để sử dụng hàng ngày và thay đổi thường xuyên quy định tại Khoản 2 Điều 28 Thông tư này được từng thành viên ghi lại, niêm phong trong phong bì riêng cùng với chìa định vị dự phòng, chính là chìa khóa dự phòng của cửa kho tiền có khóa mã số. Hộp chìa khóa dự phòng được gửi vào kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, chi nhánh khác cùng hệ thống tổ chức tín dụng hay Kho bạc Nhà nước ngay trong ngày. Đơn vị nhận gửi có trách nhiệm bảo quản an toàn, nguyên vẹn niêm phong hộp chìa khóa dự phòng trong kho tiền của mình.

2. Kho tiền Trung ương gửi chìa khóa dự phòng của cửa kho tiền vào kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh gần nhất. Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh gửi chìa khóa dự phòng vào kho tiền Trung ương trên địa bàn - (nếu có) hay kho tiền Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố.

3. Hộp bảo quản chìa khóa dự phòng của cửa kho tiền có 2 ổ khóa, Giám đốc và thủ kho tiền mỗi người quản lý một ổ; chìa khóa hộp này được bảo quản như chìa khóa đang dùng của cửa kho tiền.

Điều 32. Quản lý chìa khóa dự phòng khóa cửa gian kho, két sắt

Chìa khóa dự phòng cửa gian kho, két sắt được làm thủ tục niêm phong như đối với chìa khóa dự phòng khóa cửa kho tiền và bảo quản tại két sắt của Giám đốc.

Điều 33. Mở hộp chìa khóa dự phòng

1. Các trường hợp mở hộp chìa khóa dự phòng:

a) Khi mất chìa khóa đang dùng hàng ngày hoặc cần phải mở cửa kho trong trường hợp khẩn cấp quy định tại Điều 38 Thông tư này;

b) Lưu giữ thêm các chìa khóa dự phòng của các ổ khóa mới, thay mã số khác hoặc các trường hợp thay đổi người quản lý, giữ chìa khóa;

c) Rút các chìa khóa dự phòng của các ổ khóa đã được thay mới;

d) Kiểm tra, kiểm kê chìa khóa dự phòng theo lệnh bằng văn bản của Giám đốc hoặc cấp có thẩm quyền.

2. Khi mở hộp chìa khóa dự phòng của khóa cửa kho tiền phải có sự chứng kiến của Giám đốc, Trưởng phòng Kế toán, thủ kho tiền, cán bộ kiểm soát; Giám đốc chỉ định 1 trong 3 thành viên giữ chìa khóa kho tiền mở hộp chìa khóa dự phòng. Trường hợp khẩn cấp phải mở hộp chìa khóa dự phòng mà người giữ chìa khóa vắng mặt thì Giám đốc chỉ định người được ủy quyền của người đó chứng kiến việc mở hộp chìa khóa dự phòng.

3. Mỗi lần mở hộp chìa khóa dự phòng quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều này phải có văn bản được Giám đốc chấp thuận.

Điều 34. Sửa chữa thay thế khóa cửa kho tiền

Nghiêm cấm làm thêm hoặc sao chụp chìa khóa cửa kho tiền, két sắt. Trường hợp ổ khóa hoặc chìa khóa cửa kho tiền bị hỏng, cần sửa chữa, thay thế phải có văn bản được Giám đốc chấp nhận, Giám đốc chịu trách nhiệm khi quyết định chọn đối tác (thợ) sửa chữa, thay thế khóa cửa kho tiền, két sắt. Khi thực hiện thay thế, sửa chữa khóa cửa kho tiền phải có sự chứng kiến của người giữ chìa khóa hoặc người được ủy quyền.

Điều 35. Trách nhiệm của cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng chìa khóa kho tiền, két sắt

1. Bảo đảm an toàn bí mật chìa khóa được giao, không làm thất lạc, mất mát, hư hỏng. Tuyệt đối không cho người khác xem, cầm, cất giữ hộ.

2.[11] Không mang chìa khóa ra ngoài trụ sở cơ quan. Trường hợp chìa khóa két sắt của máy ATM, chìa khóa két sắt của xe chuyên dùng chở tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá khi sử dụng xong phải mang về bảo quản tại trụ sở cơ quan, đơn vị.

Điều 36. Trách nhiệm bảo mật chìa khóa cửa kho tiền

Không để xảy ra tình trạng lần lượt các chìa của các ổ khóa cửa kho tiền giao vào tay một người. Nếu xảy ra tình trạng này, coi như tất cả các ổ khóa cửa kho

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

tiền đã bị lộ bí mật, bị mất chìa thì Giám đốc phải cho thay thế ổ khóa mới hoặc mã số mới theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 Thông tư này.

Điều 37. Xử lý khi làm mất, lộ bí mật chìa khóa kho tiền, két sắt

1. Các chìa khóa cửa kho tiền, gian kho, két sắt không bảo quản theo đúng quy định tại Thông tư này được coi là đã bị lộ bí mật. Khi bị lộ bí mật chìa khóa phải thay thế ổ khóa mới hoặc mã số mới.

2. Trường hợp chìa khóa cửa kho tiền đang dùng hàng ngày bị mất, người làm mất chìa khóa phải báo cáo ngay với Giám đốc và báo cáo ngân hàng cấp trên theo hệ thống dọc (nếu có) bằng văn bản, nêu rõ nguyên nhân, thời gian và địa điểm mất chìa khóa. Đối với Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, nếu chìa khóa cửa kho tiền bị mất thì Giám đốc còn phải báo ngay với cơ quan công an cùng cấp; sau đó lập biên bản về việc mất chìa khóa và làm thủ tục xin lấy hộp chìa khóa dự phòng để sử dụng. Việc thay khóa mới phải thực hiện kịp thời trong thời gian không quá 36 giờ; trong thời gian này, phải tăng cường các biện pháp bảo vệ bảo đảm tuyệt đối an toàn tài sản.

3. Người làm lộ, làm mất chìa khóa phải kiểm điểm nghiêm túc và phải bồi thường chi phí thay ổ khóa mới; phải chịu kỷ luật hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Xử lý cửa kho tiền trong trường hợp khẩn cấp

Trường hợp khẩn cấp, nếu thiếu một hay hai người giữ chìa khóa cửa kho tiền thì Giám đốc cho phép sử dụng chìa khóa dự phòng hoặc Giám đốc quyết định cho phá kho để cứu tài sản và báo cáo ngân hàng cấp trên theo hệ thống dọc (nếu có) kịp thời.

Mục 4
VÀO, RA KHO TIỀN

Điều 39. Đối tượng được vào kho tiền

Khi thực hiện nhiệm vụ, những đối tượng sau được phép vào kho tiền:

1. Thống đốc, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước kiểm tra các kho tiền trong ngành Ngân hàng.

2. Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ vào các kho tiền trong ngành Ngân hàng để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Cán bộ được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép bằng văn bản vào kiểm tra hoặc thanh tra kho tiền trong ngành Ngân hàng.

4. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, cán bộ được Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản cho phép kiểm tra kho tiền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn tỉnh, thành phố.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kiểm tra kho tiền thuộc hệ thống.

6. Cán bộ được Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có văn bản cho phép kiểm tra kho tiền tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc hệ thống.

7. Giám đốc và các thành viên có trách nhiệm giữ chìa khóa cửa kho tiền.

8. Cán bộ kiểm soát vào kho tiền để giám sát việc xuất nhập tài sản; cán bộ kiểm tra kho tiền theo kế hoạch công tác đã được Giám đốc duyệt.

9.[12] Cán bộ, nhân viên được giao nhiệm vụ tổ chức và bốc xếp, vận chuyển tài sản bảo quản trong kho tiền hoặc được giao nhiệm vụ vào kho tiền để cứu tài sản trong trường hợp khẩn cấp.

10. Các thành viên của Hội đồng kiểm kê tài sản kho quỹ định kỳ, đột xuất.

11. Cán bộ giám sát và cán bộ kỹ thuật, công nhân sửa chữa kho tiền; sửa chữa, lắp đặt, bảo dưỡng các thiết bị, các ổ khóa trong kho tiền, có giấy đề nghị, được Giám đốc chấp thuận cho phép vào kho tiền.

Điều 40. Các trường hợp được vào kho tiền

1. Thực hiện lệnh, phiếu xuất, nhập tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá.

2. Nhập tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá vào bảo quản trong kho tiền hoặc xuất ra để sử dụng trong ngày.

---

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

3. Kiểm tra, kiểm kê tài sản trong kho tiền theo định kỳ hoặc đột xuất.

4. Vệ sinh kho tiền, bốc xếp, đảo kho.

5. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt trang thiết bị trong kho tiền.

6. Cứu tài sản trong kho tiền trong các trường hợp khẩn cấp.

7. Xuất, nhập tài sản tạm gửi kho Ngân hàng Nhà nước; xuất nhập tài sản làm dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn, dịch vụ ngân quỹ khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

8. Các trường hợp khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 41. Quy định vào, ra kho tiền

1. Khi vào, thủ kho tiền vào đầu tiên; khi ra, thủ kho tiền ra cuối cùng. Việc mở và đóng các ô khóa cửa kho tiền theo nguyên tắc từng người một và theo đúng thứ tự, khi mở cửa kho tiền: Giám đốc, Trưởng phòng Kế toán, thủ kho tiền; ngược lại, khi đóng cửa kho tiền: thủ kho tiền, Trưởng phòng Kế toán, Giám đốc. Mỗi lần vào, ra kho tiền mọi người phải ký tên xác nhận trên Sổ đăng ký vào kho tiền.

2. Trước khi vào và sau khi ra khỏi kho tiền, các thành viên vào kho tiền phải có mặt đầy đủ tại gian đệm để chứng kiến các thành viên giữ chìa khóa kho tiền mở, đóng cửa kho tiền. Các thành viên giữ chìa khóa kho tiền phải tự bảo vệ bí mật mã số, chìa khóa cửa kho tiền khi mở, đóng cửa kho tiền.

Điều 42. Kiểm tra trước khi vào, ra kho tiền

1. Trước khi mở khóa, nhân viên an toàn kho, các thành viên giữ chìa khóa kho tiền phải quan sát kỹ tình trạng bên ngoài ổ khóa và cửa kho tiền.

a) Nếu thấy có vết tích nghi vấn, phải ghi đầy đủ nghi vấn trước khi mở khóa;

b) Nếu thấy vết tích đã có kẻ gian xâm nhập kho tiền, phải giữ nguyên hiện trường và thông báo cho cơ quan công an đến xem xét, lập biên bản; sau đó mới mở khóa vào kho tiền.

2. Trước khi ra khỏi kho tiền:

a) Kiểm tra các hiện vật cần mang ra ngoài kho;

b) Kiểm tra lại các hệ thống thiết bị an toàn;

c) Thủ kho tiền và nhân viên an toàn kho phải kiểm tra lại lần cuối cùng trước khi đóng cửa kho tiền.

Mục 5
CANH GÁC, BẢO VỆ KHO TIỀN, QUẦY GIAO DỊCH

Điều 43. Nội quy kho tiền, quầy giao dịch tiền mặt

1. Những người có nhiệm vụ vào quầy giao dịch tiền mặt hoặc kho tiền phải mặc bảo hộ lao động hoặc trang phục giao dịch không có túi.

2. Người không có nhiệm vụ không được vào trong quầy giao dịch hoặc kho tiền.

3. Quầy giao dịch, kho tiền phải có nội quy do Giám đốc quy định.

Điều 44. Về làm việc ngoài giờ tại trụ sở kiêm kho tiền

Hết giờ làm việc, phải khóa cửa quầy giao dịch và các cửa thuộc khu vực kho tiền; ngoài lực lượng bảo vệ, nhân viên trực điều khiển thiết bị an toàn kho tiền đã được phân công (nếu có), không ai được tự ý ở lại một mình tại nơi làm việc trong trụ sở kiêm kho tiền. Nếu có yêu cầu làm việc ngoài giờ, ít nhất phải có 2 người, được Giám đốc cho phép bằng văn bản và thông báo cho bộ phận bảo vệ biết.

Điều 45. Canh gác, bảo vệ kho tiền

1. Kho tiền phải được canh gác, bảo vệ thường xuyên đảm bảo an toàn 24 giờ/ngày. Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an liên quan xây dựng phương án bảo vệ kho tiền.

2. Kho tiền Sở Giao dịch, kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, kho tiền Trung ương có lực lượng cảnh sát bảo vệ.

Điều 46. Trách nhiệm của bảo vệ

Những người có nhiệm vụ bảo vệ kho tiền phải chịu trách nhiệm về an toàn kho tiền trong phạm vi được phân công.

Chương IV
VẬN CHUYỂN TIỀN MẶT, TÀI SẢN QUÝ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 47. Quy trình vận chuyển

Quy trình vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá bắt đầu từ khi nhận, đóng gói niêm phong tài sản; bốc xếp lên phương tiện vận chuyển; vận chuyển trên đường, đến địa điểm nhận; giao hàng và kết thúc khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục giao nhận.

Điều 48. Trách nhiệm tổ chức vận chuyển

1. Cục Phát hành và Kho quỹ có nhiệm vụ tổ chức vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá từ cơ sở in, đúc tiền, sân bay, bến cảng, nhà ga về kho tiền Trung ương; giữa các kho tiền Trung ương; từ kho tiền Trung ương đến kho tiền Sở Giao dịch, các kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và ngược lại; giữa các kho tiền Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

Trường hợp cần thiết, Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cử người áp tải và giao tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá tại kho tiền Trung ương hoặc nhận, áp tải tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá từ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Định có nhiệm vụ tổ chức vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá giữa chi nhánh tỉnh Bình Định và kho tiền Trung ương, giữa các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố miền Trung, Tây Nguyên với nhau (theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ).

2. Ngân hàng Nhà nước vận chuyển ngoại tệ ra nước ngoài phải có Lệnh của Thống đốc.

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định thủ tục và thẩm quyền cấp lệnh vận chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, lệnh điều chuyển tiền mặt giữa các chi nhánh và quy định việc vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá của hệ thống.

Điều 49. Giấy ủy quyền vận chuyển

Khi giao nhận và vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, người áp tải hàng phải có giấy ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

Đối với việc vận chuyển ngoại tệ ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước, người áp tải phải có giấy ủy quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Trước khi giao hàng cho người nhận, người giao phải kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của giấy ủy quyền; kiểm tra các yếu tố đảm bảo an toàn theo quy định mới cho phép vận chuyển hàng ra khỏi trụ sở Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 50. Phương tiện vận chuyển

1. Vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá phải sử dụng xe chuyên dùng và các phương tiện kỹ thuật cần thiết.

2. Vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước phải có xe hộ tống.

Trường hợp phải thuê phương tiện khác như máy bay, tàu hỏa, tàu biển để vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

3. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng phương tiện khác để vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải quy định bằng văn bản và hướng dẫn quy trình vận chuyển, bảo vệ, các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản.

4. Trường hợp Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có nhu cầu giao, nhận trực tiếp tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước tại kho tiền Trung ương và có khả năng tự bố trí phương tiện vận tải chở tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá (xe chuyên dùng), phải được sự chấp thuận của Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ.

Điều 51. Đảm bảo bí mật thông tin vận chuyển

1. Những người tổ chức và tham gia vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá phải tuyệt đối giữ bí mật các thông tin về thời gian, hành trình, loại hàng, khối lượng, giá trị, phương tiện vận chuyển, phương tiện bảo quản tài sản theo quy định bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Người không có nhiệm vụ không được đi cùng trên phương tiện vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá.

3. Các văn bản liên quan đến công tác vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá sử dụng cụm từ "hàng đặc biệt" thay cho cụm từ "tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá" để đảm bảo bí mật thông tin vận chuyển.

Điều 52. Đảm bảo an toàn trên đường vận chuyển

1. Tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá khi vận chuyển phải được đóng gói, niêm phong và được bảo quản an toàn.

2. Phải tổ chức vận chuyển vào ban ngày (trừ trường hợp đặc biệt như vận chuyển bằng máy bay, tàu hỏa, tàu biển), hạn chế giao nhận hàng vào ban đêm.

3. Vận chuyển đường dài, cần nghỉ dọc đường tránh đỗ xe ở nơi đông người. Trường hợp nghỉ trên đường qua đêm, phải đưa xe hàng vào trụ sở Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc đơn vị công an, quân

đội để có điều kiện đảm bảo an toàn, phối hợp bố trí trực canh gác xe hàng hoặc gửi hàng vào bảo quản trong kho tiền.

Điều 53. Phối hợp bảo vệ trên tuyến đường vận chuyển

Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhận được thông báo xe vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá của ngành Ngân hàng gặp sự cố trên tuyến đường tại địa phương mình, phải chủ động liên lạc, phối hợp với cơ quan công an địa phương cùng lực lượng của xe vận chuyển có biện pháp đảm bảo an toàn tài sản. Trường hợp cần thiết, phải đề nghị Ủy ban nhân dân địa phương phối hợp và xử lý kịp thời những sự cố xảy ra.

Điều 54. Tổ chức tiếp nhận

Khi tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá vận chuyển đến nơi nhận, đơn vị nhận hàng phải huy động lực lượng lao động trong đơn vị tiếp nhận hàng nhanh nhất (kể cả ngoài giờ làm việc hoặc ngày nghỉ) đưa hàng vào kho tiền bảo quản an toàn.

Điều 55. Lực lượng tham gia vận chuyển và trách nhiệm của người áp tải

1. Khi vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá phải có đủ lực lượng điều khiển phương tiện, áp tải, bảo vệ.

2. Người áp tải là người phụ trách chung trên đường vận chuyển, chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá; tổ chức thực hiện việc giao nhận, vận chuyển theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp khối lượng, giá trị tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá vận chuyển lớn phải tổ chức thành đoàn xe, có một số người áp tải, thì Giám đốc chỉ định một cán bộ áp tải làm trưởng đoàn.

Điều 56. Trách nhiệm bảo vệ vận chuyển

1. Xe vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước do cảnh sát có vũ trang bảo vệ; tùy theo khối lượng, giá trị và tính chất của mỗi chuyến hàng mà ngân hàng bàn bạc, thống nhất với đơn vị cảnh sát để quyết định số lượng người đi bảo vệ. Trường hợp có một xe hàng thì ít nhất có hai cảnh sát bảo vệ.

Lực lượng bảo vệ hoặc cảnh sát bảo vệ tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá có trách nhiệm: có phương án bảo vệ hàng, người và phương tiện từ khi bắt đầu nhận hàng đến khi giao hàng xong và trở về trụ sở cơ quan an toàn; chấp hành đúng quy

định trong vận chuyển theo Thông tư này; xử lý các trường hợp cụ thể xảy ra, không để xe bị kiểm tra, khám xét dọc đường. Khi xảy ra sự cố mất an toàn, phải trực tiếp chiến đấu và phân công các thành viên trong đoàn cùng phối hợp bảo vệ người, tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và phương tiện.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định trách nhiệm bảo vệ, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong hệ thống.

Điều 57. Trách nhiệm của người điều khiển phương tiện

Người điều khiển phương tiện chịu trách nhiệm về kỹ thuật của phương tiện vận chuyển; chấp hành đúng quy định vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá theo Thông tư này; chấp hành luật giao thông; chủ động xin giấy ưu tiên hoặc mua vé qua cầu, phà nhanh chóng.

Điều 58. Sổ sách theo dõi vận chuyển

Đơn vị tổ chức vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá phải mở sổ theo dõi từng chuyến hàng, từ bố trí nhân lực, phương tiện, lịch trình vận chuyển.

Chương V
KIỂM TRA, KIỂM KÊ, BÀN GIAO, XỬ LÝ THỪA THIẾU TIỀN MẶT, TÀI SẢN QUÝ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Mục 1
KIỂM TRA, KIỂM KÊ, BÀN GIAO TIỀN MẶT, TÀI SẢN QUÝ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 59. Định kỳ kiểm tra, kiểm kê

1. Kiểm tra toàn diện công tác đảm bảo an toàn kho quỹ và tổng kiểm kê tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá mỗi năm 2 lần, thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 và ngày 01 tháng 7.

2. Kiểm kê Quỹ dự trữ phát hành và các tài sản khác bảo quản trong kho tiền mỗi tháng 1 lần, thời điểm 0 giờ ngày 01 hàng tháng.

3. Kiểm kê tiền mặt thuộc Quỹ tiền mặt của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Quỹ nghiệp vụ phát hành của Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, giấy tờ có giá, tài sản quý vào cuối giờ làm việc hàng ngày.

4. Kiểm tra, kiểm kê đột xuất trong các trường hợp:

a) Khi thay đổi các thành viên giữ chìa khóa cửa kho tiền;

b) Khi thay đổi ổ khóa hoặc bị mất chìa khóa cửa kho tiền;

c) Khi nghi có kẻ gian xâm nhập kho tiền, quầy thu chi tiền mặt hoặc tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá vận chuyển trên đường; phát hiện có nhầm lẫn về tài sản trong khi xuất nhập kho tiền và thu chi tiền mặt;

d) Khi có lệnh hoặc văn bản kiểm tra kho tiền của cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 39 Thông tư này;

đ) Kiểm tra việc kiểm đếm, tuyển chọn tiền mặt.

5. Giám đốc có quyền tổ chức kiểm kê, tổng kiểm kê đột xuất tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá bất kỳ lúc nào.

Điều 60. Phương pháp kiểm kê

1. Kiểm kê hiện vật các loại tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá để đảm bảo sự khớp đúng giữa tồn quỹ thực tế với số dư trên sổ kế toán và sổ quỹ (hoặc sổ theo dõi xuất nhập tài sản).

2. Các thành viên tham gia kiểm kê phải trực tiếp kiểm đếm từng bó, túi, bao, hộp, thùng tiền nguyên niêm phong đối với tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá đã đóng gói theo quy định; xem xét tình trạng nguyên niêm phong bó, túi, bao, hộp, thùng tiền hoặc tài sản quý, giấy tờ có giá. Trường hợp có nghi vấn, phải mở ra kiểm đếm hiện vật bên trong hoặc kiểm đếm lại từng tờ (đối với tiền mặt). Phải ghi kết quả kiểm kê (chi tiết các loại tài sản theo số lượng, giá trị) vào sổ sách theo quy định. Đối chiếu tài sản thực tế đã kiểm kê (số lượng, giá trị) với số dư trên sổ sách của kế toán và thủ quỹ (hoặc thủ kho tiền); nếu có chênh lệch (thừa hoặc thiếu) thì phải lập biên bản và xử lý theo quy định tại Điều 64 Thông tư này.

Việc kiểm kê tồn quỹ cuối ngày, đối với tiền chưa chẵn bó (túi) phải kiểm đếm tờ (miếng).

3. Biên bản kiểm kê được thông qua công khai, các thành viên Hội đồng kiểm kê, thủ quỹ (hoặc thủ kho tiền) phải ký tên xác nhận. Giám đốc, Trưởng phòng Kế toán, thủ quỹ (hoặc thủ kho tiền) phải ký tên xác nhận số liệu trên sổ quỹ hoặc sổ kiểm kê (nếu có).

Điều 61. Bàn giao tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá

Khi thay đổi một trong ba thành viên giữ chìa khóa cửa kho tiền (Giám đốc, Trưởng phòng Kế toán, thủ kho tiền) phải tiến hành bàn giao tiền mặt, tài sản quý,

giấy tờ có giá. Tùy theo yêu cầu công việc, thời gian nghỉ, Giám đốc có thể quyết định bằng văn bản việc bàn giao từng phần hay toàn bộ tài sản.

Người nhận phải trực tiếp xem xét, kiểm tra, kiểm đếm, không được ủy quyền cho người khác làm thay.

Điều 62. Hội đồng kiểm kê, Hội đồng kiểm đếm, phân loại tiền

1. Khi thực hiện kiểm kê định kỳ theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 59 Thông tư này và các trường hợp bàn giao tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá phải có Quyết định của Giám đốc thành lập Hội đồng kiểm kê.

2. Mỗi lần tổ chức kiểm đếm, phân loại tiền, giấy tờ có giá đã nhận theo bao, thùng hay bó, túi, hộp nguyên niêm phong, Giám đốc có Quyết định thành lập Hội đồng kiểm đếm, phân loại tiền.

3. Thành phần của Hội đồng kiểm kê hay Hội đồng kiểm đếm, phân loại tiền bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc;

b) Các ủy viên: Trưởng các phòng hoặc bộ phận Kế toán, Kho quỹ, Kiểm soát (hoặc cán bộ kiểm soát).

c) Một số cán bộ giúp việc do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

Hội đồng lập biên bản kiểm đếm, phân loại tiền hay biên bản kiểm kê và xử lý thừa hoặc thiếu tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá theo quy định hiện hành.

4. Trường hợp cần kiểm kê, kiểm tra đột xuất phải thành lập Hội đồng kiểm kê, thành phần Hội đồng do cấp có thẩm quyền quyết định kiểm kê, kiểm tra đột xuất quy định, nhưng không được ít hơn thành phần quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Việc kiểm kê cuối ngày do Giám đốc, Trưởng phòng Kế toán hoặc người được Giám đốc, Trưởng phòng Kế toán ủy quyền theo Điều 26 Thông tư này thực hiện, Giám đốc có thể huy động một số cán bộ nhân viên giúp việc kiểm kê cuối ngày. Việc giám sát kiểm kê cuối ngày thực hiện theo quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Nhà nước (đối với việc kiểm kê của Ngân hàng Nhà nước) hoặc theo quy định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đối với việc kiểm kê của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

6. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định việc kiểm kê tiền mặt tại máy rút tiền, gửi tiền tự động, tại các phòng nghiệp vụ có quỹ trong hệ thống.

Điều 63. Hội đồng kiểm kê, Hội đồng kiểm đếm, phân loại tiền kho tiền Trung ương

1. Hội đồng kiểm kê Quỹ dự trữ phát hành, tài sản quý, giấy tờ có giá tại kho tiền Trung ương định kỳ thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 và ngày 01 tháng 7 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thành lập, gồm các thành viên sau:

a) Chủ tịch Hội đồng: Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ;

b) Các ủy viên: Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ.

2.[13] Hội đồng kiểm kê Quỹ dự trữ phát hành, tài sản quý, giấy tờ có giá tại kho tiền Trung ương thời điểm 0 giờ ngày 01 hàng tháng do Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ quyết định thành lập, gồm các thành viên sau:

a) Chủ tịch Hội đồng: Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ hoặc Chi cục trưởng Chi cục Phát hành và Kho quỹ;

b) Các ủy viên: Trưởng phòng Kế toán - Tài vụ, Trưởng Kho tiền, cán bộ kiểm soát.

3. Hội đồng kiểm đếm, phân loại tiền tại kho tiền Trung ương do Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ quyết định thành lập, gồm các thành viên sau:

a) Chủ tịch Hội đồng: Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ hoặc Chi cục trưởng Chi cục Phát hành và Kho quỹ;

b) Các ủy viên: Trưởng phòng Kế toán - Tài vụ, Trưởng Kho tiền, Trưởng phòng Tiêu hủy tiền, cán bộ kiểm soát.

4. Hội đồng kiểm kê, Hội đồng kiểm đếm, phân loại tiền kho tiền Trung ương được trưng tập một số cán bộ giúp việc do Chủ tịch hội đồng quyết định.

Hội đồng lập biên bản kiểm đếm, phân loại tiền hay biên bản kiểm kê và xử lý thừa hoặc thiếu tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá theo quy định hiện hành.

---

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017.

Mục 2
XỬ LÝ THỪA HOẶC THIẾU TIỀN MẶT, TÀI SẢN QUÝ, GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 64. Xử lý thừa hoặc thiếu tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong kiểm đếm, đóng gói

1. Trường hợp thiếu tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá theo Biên bản của Hội đồng kiểm đếm, phân loại tiền, Hội đồng kiểm kê theo quy định của Thông tư này, người có tên trên niêm phong bó, túi, hộp, bao, thùng tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá phải bồi thường 100% giá trị tài sản thiếu. Nếu tái phạm thì tùy mức độ phải chịu kỷ luật theo quy định. Trường hợp nghiêm trọng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Các trường hợp thừa tiền trong bó, túi, hộp, bao, thùng tiền được ghi thu nghiệp vụ cho ngân hàng có tên trên niêm phong.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ vào Khoản 1 Điều này để quy định trong hệ thống việc xử lý thừa hoặc thiếu tờ (miếng) trong các bó (túi) tiền đã giao nhận trong ngành Ngân hàng theo bó đủ 10 thếp nguyên niêm phong hoặc túi tiền kim loại nguyên niêm phong.

Điều 65. Xử lý các trường hợp thừa hoặc thiếu tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá bảo quản trong kho tiền, quầy giao dịch, trên đường vận chuyển

1. Các trường hợp phát hiện thừa hoặc thiếu tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá trong kho tiền, quầy giao dịch, trong quá trình vận chuyển, Giám đốc phải quyết định kiểm kê toàn bộ tài sản có liên quan. Giám đốc, Trưởng các phòng, ban hoặc bộ phận Kế toán, Kiểm soát, Kho quỹ có liên quan phải trực tiếp xem xét, kiểm tra, lập biên bản, ghi sổ sách và truy cứu trách nhiệm cá nhân của người được giao nhiệm vụ bảo quản tài sản, trách nhiệm của những người có liên quan để kịp thời thu hồi toàn bộ giá trị tài sản thiếu, mất.

2. Những vụ thiếu, mất tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá có giá trị từ 50 (năm mươi) triệu đồng trở lên hoặc các trường hợp thiếu, mất tiền mặt thuộc Quỹ dự trữ phát hành, phải điện báo cáo cấp trên theo hệ thống dọc (nếu có); tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh điện báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Phát hành và Kho quỹ) trong 24 giờ.

3. Những vụ mất tiền có dấu hiệu do kẻ gian đột nhập lấy cắp, cướp tài sản; do tham ô, lợi dụng (có yếu tố cấu thành tội phạm), phải giữ nguyên hiện trường và báo cáo cơ quan công an.

Điều 66. Xử lý thiếu mất tiền do sơ suất trong nghiệp vụ

1. Trường hợp do sơ suất trong giao nhận, kiểm đếm, bảo quản dẫn đến thiếu, mất tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá phải bồi thường toàn bộ thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với vụ việc thuộc Ngân hàng Nhà nước, phải thành lập Hội đồng giải quyết việc bồi thường thiệt hại để xử lý trách nhiệm vật chất.

Điều 67. Xử lý trường hợp thiếu mất tiền do nguyên nhân chủ quan

1. Giám đốc và những người có trách nhiệm quản lý, giám sát, bảo quản an toàn tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, nếu không hoàn thành nhiệm vụ để xảy ra thiếu mất tiền trong kho quỹ hoặc để cán bộ thuộc quyền quản lý tham ô, lợi dụng lấy cắp tài sản thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật; có liên đới trách nhiệm vật chất đến vụ mất tiền, mất tài sản thì phải bồi hoàn hoặc phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Đối với cán bộ, nhân viên làm công tác kho quỹ, nếu tham ô, lợi dụng lấy cắp tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá thì phải bồi thường 100% giá trị tài sản thiếu và buộc thôi việc hoặc phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 68. Quyền lợi đối với cán bộ kho quỹ

1. Những cán bộ, nhân viên làm nhiệm vụ quản lý, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá và chiến sĩ cảnh sát làm nhiệm vụ bảo vệ có thành tích xuất sắc, dũng cảm bảo vệ tài sản thì được khen thưởng.

2. Những cán bộ, nhân viên làm công tác kho quỹ quy định ở Thông tư này được hưởng phụ cấp trách nhiệm; phụ cấp độc hại, nặng nhọc; bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước và của ngành.

Điều 69. Báo cáo công tác an toàn kho quỹ[14]

Hằng năm, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo công tác an toàn kho quỹ theo các nội dung sau:

1. Nội dung báo cáo: Báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện, những tồn tại và hạn chế trong công tác an toàn kho quỹ.

2. Cơ quan nhận báo cáo và thời hạn báo cáo:

- Báo cáo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp trên (nếu có) trước ngày 01 tháng 01 năm liền kề sau năm báo cáo.

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tổng hợp báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước (Cục Phát hành và Kho quỹ) trước ngày 15 tháng 01 năm liền kề sau năm báo cáo.

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được lập thành văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

4. Thời gian chốt số liệu: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

5. Mẫu đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 70. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm hướng dẫn kiểm soát việc tổ chức thực hiện trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

3. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thanh tra việc tổ chức thực hiện Thông tư này của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

---

[14] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Điều 71. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ các quy định tại Thông tư này để quy định và hướng dẫn thực hiện trong hệ thống cho phù hợp với mô hình hoạt động, cơ cấu tổ chức của đơn vị mình và chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tiền, tài sản; tổ chức công tác kiểm soát việc tổ chức thực hiện trong hệ thống.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[15,16]

---

[15] Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 12/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2017 quy định như sau:

"***Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 10 năm 2017./."

[16] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, Công ty thông tin tín dụng, Các cơ sở in, đúc tiền, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

2. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau:

a) Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 9 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN;

b) Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 44/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2012/TT-NHNN./."

Điều 72. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2014.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các văn bản sau hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Chế độ giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá;

b) Quyết định số 27/2007/QĐ-NHNN ngày 21/6/2007 sửa đổi, bổ sung một số điều của Chế độ giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá ban hành theo Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN;

c) Thông tư số 21/2011/TT-NHNN ngày 30/8/2011 sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 3 Chế độ giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá ban hành theo Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN.

Điều 73. Trách nhiệm tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

Mẫu số 01[17]

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tỉnh, thành phố).... ngày..... tháng..... năm ..

BÁO CÁO CÔNG TÁC AN TOÀN KHO QUỸ

Kính gửi:.....

PHẦN I. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC TIỀN TỆ KHO QUỸ

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Việc chỉ đạo, hướng dẫn về công tác an toàn kho quỹ

2. Công tác đáp ứng nhu cầu tiền mặt cho nền kinh tế.

3. Công tác quản lý kho quỹ.

4. Công tác phòng chống tiền giả

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Về công tác kiểm tra, ban hành các văn bản hướng dẫn quy trình, nghiệp vụ

2. Về công tác kiểm đếm, bảo quản tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá

3. Về quản lý kho tiền và vào, ra kho tiền

4. Về bảo vệ trụ sở, kho tiền và nơi giao dịch

5. Tồn tại về kho tiền và hệ thống thiết bị an toàn kho tiền

6. Nguyên nhân tồn tại

---

[17] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

PHẦN II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TIỀN TỆ, KHO QUỸ NGÂN HÀNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số: 26/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2019
KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn